TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày 12 - 01 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T** - Sinh năm 1971 (Có mặt).
Cư trú tại: Ấp ĐH, xã THĐ, huyện CN, Cà Mau.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Kh** - Sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Cư trú tại: Ấp ĐH, xã THĐ, huyện CN, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và tại phiên tòa chị Đỗ Thị T (Nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh Kh kết hôn vào năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 03 năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Kh không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn nên vợ chồng bất đồng về quan điểm, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 03 năm 2002 đến nay. Nay chị T xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung. Nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh.

Về con chung: Chị Đỗ Thị T xác định vợ chồng có với nhau được 02 con chung tên Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1991 và Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1994,

hiện nay các con đã trưởng thành nên sau khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống chị và anh Kh làm ăn không thuận lợi nên không có tài sản chung.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị T xác định không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn Kh là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Văn Kh có địa chỉ tại ấp ĐH, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn Kh chung sống từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Đỗ Thị T có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Nguyễn Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh Kh hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh Kh đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Kh. Do chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn Kh không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Kh không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn Kh là vợ chồng.

Về con chung: Chị Đỗ Thị T xác định anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1991 và Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1994. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh Kh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị T và anh Kh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị T và anh Kh đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ;

Các điều 9, 15, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Tuyên bố chị **Đỗ Thị T** và anh **Nguyễn Văn Kh** không phải là vợ chồng.

[2] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh Kh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị T và anh Kh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị T và anh Kh đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003907 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết